

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO TRUYỀN THÔNG ONLINE ANEE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO TRUYỀN THÔNG ONLINE ANEE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ONLINE ANEE ADVERTISEMENT MEDIA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108157655

**3. Ngày thành lập:** 05/02/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

VP 06 – Tầng 2, toà nhà Platinum Residencens. Số 6, phố Nguyễn Công Hoan, , Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 01632406779

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác<br>Chi tiết<br>: - Sản xuất bộ đồ ăn bằng sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh;<br>- Sản xuất các tượng nhỏ và các đồ trang trí bằng gốm khác;<br>- Sản xuất các sản phẩm cách điện và các đồ đặc cố định trong nhà cách điện bằng gốm;<br>- Sản xuất các sản phẩm trong phòng thí nghiệm, hoá học và các sản phẩm công nghiệp;<br>- Sản xuất chai, lọ, bình và các vật dụng tương tự cùng một loại được sử dụng cho việc vận chuyển và đóng gói hàng hoá;<br>- Sản xuất đồ nội thất bằng gốm;<br>- Sản xuất các sản phẩm bằng gốm chưa được phân vào đâu. | 2393     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 2.  | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su thiên nhiên và cao su tổng hợp, cao su chưa lưu hoá hoặc đã lưu hoá hoặc đã làm cứng<br>- Sản xuất chổi cao su;<br>- Sản xuất ống cao su cứng;<br>- Sản xuất lược cao su, lô cuốn tóc cao su và đồ tương tự.<br>- Sản xuất nguyên liệu sửa chữa cao su;<br>- Sản xuất sản phẩm dệt được tráng, phủ cao su với cao su là thành phần chính;<br>- Đệm nước cao su;<br>- Túi tắm bằng cao su;<br>- Quần áo lặn bằng cao su; | 2212        |
| 3.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2220        |
| 4.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2511        |
| 5.  | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1701        |
| 6.  | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1702        |
| 7.  | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1322        |
| 8.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1410        |
| 9.  | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1430        |
| 10. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4669        |
| 11. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4771        |
| 12. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4782        |
| 13. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4641        |
| 14. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2599        |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8299        |
| 16. | Quảng cáo<br>Chi tiết: Quảng cáo thương mại và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7310(Chính) |
| 17. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7320        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: - Xúc tiến thương mại; - Tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo, hội chợ triển lãm, chương trình biểu diễn nghệ thuật (không bao gồm tổ chức họp báo và các chương trình Nhà nước cấm)                                                                                                                          | 8230 |
| 19. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4610 |
| 20. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>( Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4791 |
| 21. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4652 |
| 22. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1811 |
| 23. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1812 |
| 24. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7410 |
| 25. | Giáo dục nghề nghiệp<br>Chi tiết: Dạy nghề                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8532 |
| 26. | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2310 |
| 27. | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2391 |
| 28. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2392 |
| 29. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                                                                                            | 4649 |
| 30. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5911 |
| 31. | Sao chép bản ghi các loại<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1820 |
| 32. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8560 |
| 33. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính | 8559 |
| 34. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật<br>Chi tiết: - Dạy hội họa; - Dạy Mỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8552 |
| 35. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4761 |
| 36. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4762 |

|     |                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 37. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                     | 4772 |
| 38. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                            | 5912 |
| 39. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí<br>( Trừ hoạt động báo chí) | 6329 |
| 40. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí                                                                                                                                                                  | 9000 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức           | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ HẢI VÂN | Số 39, ngõ 88, phố Giáp Nhị, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông | 39.000     | 390.000.000           | 39,000    | 0341800005<br>40                                                                            |         |
|     |                    |                                                                                                | Tổng số           | 39.000     | 390.000.000           | 39,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ THỊ THANH HUYỀN | Số nhà 19, tổ dân phố Phú Hà, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông | 15.000     | 150.000.000           | 15,000    | 0251840002<br>84                                                                            |         |
|     |                    |                                                                                                | Tổng số           | 15.000     | 150.000.000           | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | LÊ ĐỖ TIẾN         | Số 39, ngõ 88, phố Giáp Nhị, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông | 11.000     | 110.000.000           | 11,000    | B3334521                                                                                    |         |
|     |                    |                                                                                                | Tổng số           | 11.000     | 110.000.000           | 11,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | LÊ NAM QUANG       | Số 45, ngách 88/1, phố Giáp Nhị, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 35.000     | 350.000.000           | 35,000    | 0010870080<br>75                                                                            |         |
|     |                    |                                                                                                | Tổng số           | 35.000     | 350.000.000           | 35,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÊ NAM QUANG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 15/09/1987

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001087008075

Ngày cấp: 07/09/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 45, ngách 88/1, phố Giáp Nhị, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số 45, ngách 88/1, phố Giáp Nhị, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội